

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GANG THÉP LÀO CAI -
VIMICO**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 22
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Gang thép Lào Cai - Vimico (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư - Gang thép Lào Cai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 146/CP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 10 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Tân Hồng, Xã Bản Qua, Huyện Bát Xát, Tỉnh Lào Cai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đặng Xuân Tuyên	Chủ tịch
Ông: Bùi Giáp Xuân	Ủy viên
Ông: Nguyễn Mạnh Nam	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Bùi Giáp Xuân	Giám đốc
Ông: Lê Công Thành	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Nguyễn Thành Long	Trưởng ban
Bà: Nguyễn Thị Hương Lê	Thành viên
Ông: Phương Tiệp Anh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Bùi Giáp Xuân
Giám đốc

Lào Cai, ngày 25 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Gang thép Lào Cai - Vimico

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Gang thép Lào Cai - Vimico được lập ngày 25 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

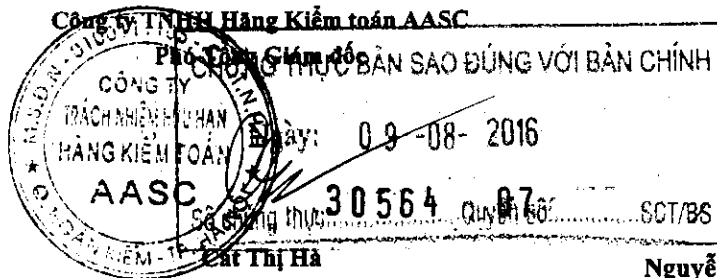
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Gang thép Lào Cai - Vimico tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Công ty đang hạch toán và theo dõi một số khoản Chi phí quản lý doanh nghiệp trên chi tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" mà không kết chuyển vào kết quả kinh doanh tương ứng. Tổng số dư lũy kế đến ngày 31/12/2015 là 5.490.906.050 đồng, trong đó số phát sinh năm 2015 là 1.631.728.797 đồng.



Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Đình Thăng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1624-2013-002



[Handwritten signature]
CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Quốc Khánh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

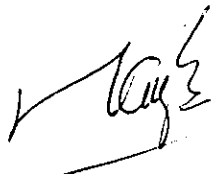
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		112.949.199.647	7.731.140.025
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	12.840.241.647	6.895.250.944
111	1. Tiền		223.638.744	195.250.944
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.616.602.903	6.700.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		100.108.958.000	394.466.666
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	100.088.990.000	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	372.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	05	19.968.000	22.466.666
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	441.422.415
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	441.422.415
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		29.820.698.062	134.852.027.788
220	II. Tài sản cố định		202.327.443	323.101.362
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	202.327.443	323.101.362
222	- Nguyên giá		1.000.359.523	1.000.359.523
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(798.032.080)	(677.258.161)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	06	24.127.464.569	130.669.749.173
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		24.127.464.569	130.669.749.173
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.490.906.050	3.859.177.253
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	08	5.490.906.050	3.859.177.253
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		142.769.897.709	142.583.167.813

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

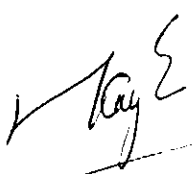
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.190.098.138	8.220.131.966
310	I. Nợ ngắn hạn		8.190.098.138	8.220.131.966
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	09	245.037.595	328.019.012
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	7.700.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	7.876.991.362	12.020.000
314	4. Phải trả người lao động		36.251.000	129.632.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	31.818.181	50.460.954
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		134.579.799.571	134.363.035.847
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	134.579.799.571	134.363.035.847
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		135.900.000.000	135.900.000.000
411a	<i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>135.900.000.000</i>	<i>135.900.000.000</i>
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.320.200.429)	(1.536.964.153)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>(1.536.964.153)</i>	<i>(1.572.036.757)</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>216.763.724</i>	<i>35.072.604</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		142.769.897.709	142.583.167.813

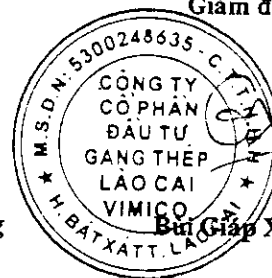
Người lập biểu


Nguyễn Hồng Cường

Kế toán trưởng


Nguyễn Hồng Cường

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2016
Giám đốc




Bùi Giáp Xuân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	220.579.497	86.947.164
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14	3.815.773	51.874.560
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		216.763.724	35.072.604
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		216.763.724	35.072.604
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		216.763.724	35.072.604

Người lập biểu

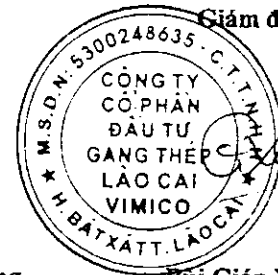
Nguyễn Hồng Cường

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Cường

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Giám đốc



Bùi Giáp Xuân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		216.763.724	35.072.604
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(99.805.578)	49.002.356
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		120.773.919	135.949.520
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(220.579.497)	(86.947.164)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		116.958.146	84.074.960
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(7.637.067.585)	(491.018.245)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		7.669.966.172	4.273.086.104
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.631.728.797)	353.083.246
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.481.872.064)	4.219.226.065
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.267.715.396)	(3.911.803.779)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		8.471.500.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		223.078.163	86.947.164
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		7.426.862.767	(3.824.856.615)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.944.990.703	394.369.450
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.895.250.944	6.500.881.494
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	12.840.241.647	6.895.250.944

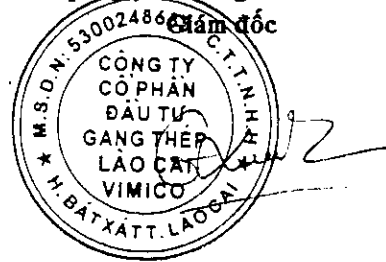
Người lập biểu

Nguyễn Hồng Cường

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Cường

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2016



Bùi Giáp Xuân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư - Gang thép Lào Cai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 146/CP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 10 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Tân Hồng, Xã Bản Qua, Huyện Bát Xát, Tỉnh Lào Cai.

Vốn điều lệ của Công ty là: 300.000.000.000 đồng; tương đương 30.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Số vốn thực góp tại thời điểm 31/12/2015 là: 135.900.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2015, các cổ đông của Công ty chưa thực hiện góp đủ vốn điều lệ theo tiến độ đã cam kết.

Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác, tuyển luyện, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, tuyển, luyện, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản;
- Tư vấn thiết kế mỏ, tư vấn đầu tư khai thác, tuyển, luyện, chế biến các loại khoáng sản; tư vấn chuyển giao công nghệ
- Thiết kế, chế tạo, gia công, sửa chữa, xuất nhập khẩu các loại hàng hóa, vật tư, thiết bị thăm dò, khai thác, chế biến
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại gang thép và vật liệu xây dựng;
- Lắp đặt, thí nghiệm điện;
- Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, cho thuê văn phòng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Công ty vẫn đang trong giai đoạn đầu tư, xây dựng dự án Khu liên hợp Gang thép Lào Cai nên trong năm Công ty không phát sinh doanh thu và giá vốn của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Trong năm Công ty thực hiện chuyển giao phần lớn dự án đầu tư khu liên hợp Gang thép Lào Cai cho Tổng Công ty Khoáng sản - TKV theo Thỏa thuận chuyển giao đất, tài sản gắn liền với đất và thanh toán tiền đền bù số 08/2015/HĐCN-LSI ngày 28/10/2015 giữa Công ty và Tổng Công ty Khoáng sản - TKV với tổng giá trị 107.810.474.000 VND (chưa bao gồm thuế GTGT), theo đó, Công ty đã ghi nhận vào Thu nhập khác và chi phí chuyển nhượng dự án được ghi nhận vào chi phí khác trong năm tương ứng số tiền 107.810.000.000 VND (khi trình bày Báo cáo tài chính Công ty đã thực hiện bù trừ thu nhập và chi phí theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 18.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị văn phòng	05 năm

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.12. Doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	75.179.122	149.898.803
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	148.459.622	45.352.141
Các khoản tương đương tiền	12.616.602.903	6.700.000.000
	12.840.241.647	6.895.250.944

Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 12.840.241.647 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Lào Cai với lãi suất 4%/năm.

4. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tổng Công ty Khoáng sản - TKV	100.088.990.000	-
	100.088.990.000	-
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	100.088.990.000	-
	100.088.990.000	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 17)	100.088.990.000	-

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Lào Cai tiền lãi dự thu	19.968.000	-	22.466.666	-
	19.968.000	-	22.466.666	-

6. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng cơ bản	24.127.464.569	130.669.749.173
Dự án Khu liên hợp Gang thép Lào Cai (*)	24.127.464.569	130.669.749.173
	24.127.464.569	130.669.749.173

(*) Công ty thực hiện chuyển giao phần lớn chi phí xây dựng cơ bản dự án đầu tư khu liên hợp Gang thép Lào Cai cho Tổng Công ty Khoáng sản - TKV.

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	113.000.000	807.550.000	79.809.523	1.000.359.523
Số dư cuối năm	113.000.000	807.550.000	79.809.523	1.000.359.523
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	76.902.773	521.542.700	78.812.688	677.258.161
- Khấu hao trong năm	18.833.333	100.943.751	996.835	120.773.919
Số dư cuối năm	95.736.106	622.486.451	79.809.523	798.032.080
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	36.097.227	286.007.300	996.835	323.101.362
Tại ngày cuối năm	17.263.894	185.063.549	-	202.327.443

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 79.809.523 VND

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dài hạn		
- Chi phí quản lý doanh nghiệp trong quá trình XD CB	5.490.906.050	3.859.177.253
	5.490.906.050	3.859.177.253

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim	148.480.000	148.480.000	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Điện Thành Nam	69.357.595	69.357.595	55.713.291	55.713.291
- Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công nghiệp mỏ Luyện kim	27.200.000	27.200.000	-	-
- Viện Kiến trúc Quy hoạch Xây dựng Lào Cai	-	-	271.231.388	271.231.388
- Phải trả người bán khác	-	-	1.074.333	1.074.333
	245.037.595	245.037.595	328.019.012	328.019.012
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn				
- Phải trả người bán ngắn hạn	245.037.595	245.037.595	328.019.012	328.019.012
- Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	245.037.595	245.037.595	328.019.012	328.019.012
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	1.074.333	1.074.333

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 17)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	7.876.991.362	-	-	7.876.991.362
- Thuế thu nhập cá nhân	-	12.020.000	5.880.000	17.900.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	12.020.000	7.885.871.362	20.900.000	-	7.876.991.362

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

31/12/2015	VND	31.818.181
01/01/2015	VND	50.460.954

Ngân hàng - Trích trước chi phí tư vấn xây dựng phải trả

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của CSH phát triển	Quý đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	-	-	(1.572.036.757)
Lãi trong năm trước	-	-	35.072.604
Số dư cuối năm trước	135.900.000.000	-	(1.536.964.153)
Số dư đầu năm nay	135.900.000.000	-	(1.536.964.153)
Lãi trong năm nay	-	-	216.763.724
Số dư cuối năm nay	135.900.000.000	-	(1.320.200.429)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cuối năm	Đầu năm	Tỷ lệ	Tỷ lệ
VND	VND	%	%
134.550.000.000	134.550.000.000	99,01%	99,01%
1.350.000.000	1.350.000.000	1%	0,99%
1.250.000.000	1.250.000.000	0,92%	0,92%
100.000.000	100.000.000	0,07%	0,07%
135.900.000.000	135.900.000.000	100%	100%

Công ty mẹ - Tổng Công ty Khoáng sản - TKV
Vốn góp của các cổ đông khác:
- Công ty TNHH MTV Thương Thành
- Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico

13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TẠI CHỖ

Năm 2015	VND	220.579.497
Năm 2014	VND	86.947.164

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	-	5.184.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	33.987.376
Chi phí khác bằng tiền	3.815.773	12.703.184
	3.815.773	51.874.560

15. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.840.241.647	-	6.895.250.944	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	100.108.958.000	-	22.466.666	-
	112.949.199.647	-	6.917.717.610	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	245.037.595	328.019.012
Chi phí phải trả	31.818.181	50.460.954
	276.855.776	378.479.966

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2015	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.840.241.647	-	-	12.840.241.647
Phải thu khách hàng, phải thu khác	100.108.958.000	-	-	100.108.958.000
	112.949.199.647	-	-	112.949.199.647
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.895.250.944	-	-	6.895.250.944
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.466.666	-	-	22.466.666
	6.917.717.610	-	-	6.917.717.610

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2015	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	245.037.595	-	-	245.037.595
Chi phí phải trả	31.818.181	-	-	31.818.181
	276.855.776	-	-	276.855.776
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	328.019.012	-	-	328.019.012
Chi phí phải trả	50.460.954	-	-	50.460.954
	378.479.966	-	-	378.479.966

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

16. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chuyển giao đất, TS gắn liền trên đất và tiền GPMB			
Tổng Công ty Khoáng sản - TKV	Công ty mẹ	107.810.000.000	-
Các quỹ phải nộp Tổng Công ty Khoáng sản - TKV	Công ty mẹ	2.464.000	3.634.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
Tổng Công ty Khoáng sản - TKV	Công ty mẹ	100.088.990.000	-
Phải trả các quỹ nộp về Tổng công ty Khoáng sản - TKV			
Tổng Công ty Khoáng sản - TKV	Công ty mẹ	-	1.074.333
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Tổng Công ty Khoáng sản - TKV	Công ty mẹ	-	7.700.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	257.573.280	266.111.000

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hàng kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền
-------	---------------	---------	-------	---------------	---------

132	Trả trước cho người bán	372.000.000	132	Trả trước cho người bán ngân hàng	372.000.000
135	Các khoản phải thu khác	22.466.666	136	Phải thu ngân hàng khác	22.466.666
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	130.669.749,173	242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	130.669.749,173
312	Phải trả người bán	328.019,012	311	Phải trả người bán ngân hàng	328.019,012
313	Người mua trả tiền trước	7.700.000,000	312	Người mua trả tiền trước ngân hàng	7.700.000,000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.020,000	313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.020,000
315	Phải trả người lao động	129.632,000	314	Phải trả người lao động	129.632,000
316	Chi phí phải trả	50.460,954	315	Chi phí phải trả ngân hàng	50.460,954
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.900.000,000	411	Vốn góp của chủ sở hữu	135.900.000,000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(1.536.964,153)	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(1.536.964,153)
421a	LNST chưa phân phối	(1.572.036,757)	421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	(1.572.036,757)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này	35.072,604	421b	LNST chưa phân phối kỳ này	35.072,604

1.572.036,757	(35.072,604)
---------------	--------------

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
25	b/ Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh Chi phí quản lý doanh nghiệp	51.874.560	26	b/ Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh Chi phí quản lý doanh nghiệp	51.874.560	-
02	c/ Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	120.773.919	02	c/ Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ Khấu hao tài sản cố định	120.773.919	-

Người lập biểu

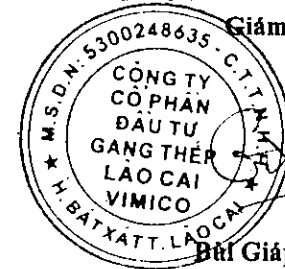
Nguyễn Hồng Cường

Kê toán trưởng

Nguyễn Hồng Cường

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Giám đốc



Bùi Giáp Xuân

